

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN YEAH1
YEAH1 GROUP CORPORATION**

-----o0o-----

Số/No: 332 /2026/CBTT/CTHĐQT/YEG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness**

-----o0o-----

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026
Ho Chi Minh City, August 28, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN
CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
VÀ SGĐCK TP. HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE
STATE SECURITIES COMMISSION'S PORTAL
AND THE HOCHIMINH
STOCK EXCHANGE'S PORTAL**

Kính gửi/To: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước / *The State Securities Commission*
Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM / *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức/*Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1 / *YEAH1 GROUP CORPORATION*
- Mã chứng khoán/*Securities Symbol*: YEG
- Địa chỉ trụ sở chính/*Head office address*: 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam / *140 Nguyen Van Thu, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*
- Điện thoại/*Telephone*: (+84) 287300 6071 Fax: 08 3910 1073
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Bà/Ms Lê Phương Thảo
Chức vụ/*Position*: Chủ tịch Hội đồng quản trị/*Chairwoman of the Board of Directors*

Loại thông tin công bố ☒ Định kỳ ☐ Bất thường ☐ 24 giờ ☐ Theo yêu cầu
Information disclosure type Periodic Irregular 24 hours On-demand

Nội dung thông tin công bố/*Content of Information disclosure:*

Ngày 28/8/2026, Công ty Cổ phần Tập đoàn YeaH1 (“Công ty”) công bố thông tin các nội dung sau:

- Báo cáo tài chính riêng soát xét bán niên cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Công ty kèm Giải trình chênh lệch so với cùng kỳ năm 2025.
- Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét bán niên cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Công ty kèm Giải trình chênh lệch so với cùng kỳ năm 2025.

On August 28, 2026, YeaH1 Group Corporation (the “Company”) announced the following information:

- *The Company's reviewed semi-annual separate financial statements for the six months ended June 30, 2026, together with an Explanation of the variations from the same period in 2025.*
- *The Company's reviewed semi-annual consolidated financial statements for the six months ended June 30, 2026, together with an explanation of the variations from the same period in 2025.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Tập đoàn YeaH1 vào ngày 28 tháng 8 năm 2026 tại đường dẫn: <http://yeah1group.com/investor-relations>.

This information was disclosed on YeaH1 Group Corporation's Portal on August 28, 2026. Available at: <http://yeah1group.com/investor-relations>.



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct, and we bear the full responsibility under the law.

Nơi nhận:

Recipient:

- + Như trên;
- + *As above;*
- + Lưu VP;
- + *Archived;*

Đại diện tổ chức/Organization representative
Người đại diện theo pháp luật/Legal representative



LÊ PHƯƠNG THẢO
Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chairwoman

**CÔNG TY CỔ
PHẦN TẬP
ĐOÀN YEAH1**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
YEAH1
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, L=Quận 3, CN=CÔNG
TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0304592171
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026.09.03 15:53:29+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.1.0



**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN YEAH1**
Số: 339/2026/YEG/CV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (“Công ty”) thực hiện giải trình về biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) giữa Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2026 sau soát xét biến động trên 5% so với trước soát xét; đồng thời giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN tại Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét bán niên năm 2026 biến động trên 10% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể như sau:

1. Chênh lệch báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất bán niên năm 2026 sau soát xét so với trước soát xét:

a. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng soát xét bán niên năm 2026

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2026 (1)	6 tháng đầu năm 2026 (2)	Chênh lệch (3)=(2)-(1)	Thay đổi %
	Trước soát xét	Sau soát xét		
Lợi nhuận sau thuế	678.308.431	9.459.560.310	8.781.251.879	1.294,58%

Lũy kế sáu tháng đầu năm 2026, Công ty mẹ ghi nhận lợi nhuận sau thuế TNDN sau soát xét là 9.459.560.310 đồng, tăng 8.781.251.879 đồng tương ứng tăng 1.294,58% so với số liệu trước soát xét 678.308.431 đồng. Nguyên nhân chủ yếu do sau soát xét, Công ty mẹ thực hiện điều chỉnh việc ghi nhận và phân bổ chi phí sản xuất của các chương trình truyền hình trên cơ sở thời gian khai thác và khả năng tạo ra lợi ích kinh tế trong các kỳ tương lai. Việc điều chỉnh này làm giảm chi phí được ghi nhận trong kỳ và tương ứng làm tăng lợi nhuận sau thuế so với số liệu trước soát xét.



b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất soát xét bán niên năm 2026

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2026 (1)	6 tháng đầu năm 2026 (2)	Chênh lệch (3)=(2)-(1)	Thay đổi %
	Trước soát xét	Sau soát xét		
Lợi nhuận sau thuế	30.299.568.832	23.654.033.759	(6.645.535.073)	(21,93%)

Lũy kế sáu tháng đầu năm 2026, lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất của Tập đoàn sau soát xét đạt 23.654.033.759 đồng, giảm 6.645.535.073 đồng, tương ứng giảm 21,93% so với số liệu trước soát xét là 30.299.568.832 đồng. Nguyên nhân chủ yếu do sau soát xét, Tập đoàn thực hiện một số bút toán điều chỉnh, trong đó có điều chỉnh giảm doanh thu tài chính và ghi nhận bổ sung chi phí thuế TNDN trong kỳ, qua đó làm giảm lợi nhuận sau thuế so với Báo cáo tài chính trước soát xét.

2. Chênh lệch báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất soát xét bán niên 2026 so với cùng kỳ năm 2025:

a. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất soát xét bán niên năm 2026

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2026 (1)	6 tháng đầu năm 2025 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Thay đổi %
Lợi nhuận sau thuế	23.654.033.759	59.287.410.966	(35.633.377.207)	(60,10%)

Lũy kế sáu tháng đầu năm 2026, lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất đạt 23.654.033.759 đồng, giảm 35.633.377.207 đồng, tương ứng giảm 60,10% so với cùng kỳ năm 2025. Nguyên nhân chủ yếu do Tập đoàn đang trong giai đoạn đầu tư, triển khai một số chương trình truyền hình và phát triển các tài sản sở hữu trí tuệ (IP) trong lĩnh vực giải trí, trong khi doanh thu từ các chương trình concert chưa đóng góp đáng kể trong kỳ, dẫn đến kết quả kinh doanh thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.

b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng soát xét bán niên năm 2026

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2026 (1)	6 tháng đầu năm 2025 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)
Lợi nhuận sau thuế	9.459.560.310	(120.386.234.419)	129.845.794.729

Lũy kế sáu tháng đầu năm 2026, Công ty mẹ ghi nhận lợi nhuận sau thuế TNDN 9.459.560.310 đồng, tăng 129.845.794.729 đồng so với khoản lỗ 120.386.234.419 đồng cùng kỳ năm 2025. Nguyên nhân chủ yếu do trong sáu tháng đầu năm 2025, Công ty mẹ đã ghi nhận khoản chi phí tài chính 138.167.412.233 đồng liên quan đến phần chênh lệch so với giá gốc của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1.

Ngoài ra, trong sáu tháng đầu năm 2026, Công ty mẹ thực hiện ghi nhận và phân bổ chi phí sản xuất của các chương trình truyền hình trên cơ sở thời gian khai thác và khả năng tạo ra lợi ích kinh tế trong các kỳ tương lai. Việc phân bổ chi phí theo thời gian khai thác dự kiến góp phần phản ánh phù hợp hơn mối quan hệ giữa doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của Công ty mẹ trong từng kỳ.

Toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét bán niên năm 2026 đã được đăng tải trên website của Công ty: www.yeah1group.com

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**LƯU ANH KHOA**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026



**Shape the future
with confidence**

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 48

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0304592171 do Sở Kế hoạch Đầu tư – nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2006 và GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 35 ngày 11 tháng 6 năm 2026.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch, Thành viên độc lập
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên độc lập
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên
Bà Lê Thị Hoa	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc	
Ông Huỳnh Quân Minh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 4 tháng 3 năm 2026
Bà Đỗ Thị Mai Vy	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2026
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 4 tháng 3 năm 2026

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc

Ông Lưu Anh Khoa được Bà Ngô Thị Vân Hạnh ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 theo Giấy Ủy quyền số 320/2026/UQ/YEG ngày 10 tháng 8 năm 2026.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong *Thuyết minh số 15.1* của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 đề ngày 28 tháng 8 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Ngày 28 tháng 8 năm 2026





Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12925844/69437548/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty"), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 48, bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.050.873.659.850	1.037.970.426.657
I. Tiền	110	5	24.839.068.387	27.925.551.729
1. Tiền	111		24.839.068.387	27.925.551.729
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	724.937.407.760	232.911.382.377
1. Chứng khoán kinh doanh	121		432.800.000.000	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		292.137.407.760	232.911.382.377
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		297.032.498.583	704.741.337.321
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	64.750.678.783	360.353.884.484
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	223.331.331.229	221.309.150.846
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	9	9.767.672.425	123.570.765.592
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		(817.183.854)	(492.463.601)
IV. Hàng tồn kho	140		1.574.451.714	69.648.446.950
1. Hàng tồn kho	141	10	1.574.451.714	69.648.446.950
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		2.490.233.406	2.743.708.280
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	11	1.239.976.167	786.866.100
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162	18	1.250.257.239	1.956.842.180
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.543.783.169.893	1.633.284.583.908
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		203.093.834.800	203.064.334.800
1. Phải thu dài hạn khác	215	9	203.093.834.800	203.064.334.800
II. Tài sản cố định	220		207.147.901.255	164.373.553.454
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	169.591.581	224.420.338
Nguyên giá	222		998.567.381	998.567.381
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(828.975.800)	(774.147.043)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	206.978.309.674	164.149.133.116
Nguyên giá	228		321.424.328.145	240.247.920.639
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(114.446.018.471)	(76.098.787.523)
III. Tài sản dở dang dài hạn	250		56.549.000.000	57.177.622.222
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	14	56.549.000.000	57.177.622.222
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	260		1.019.894.700.757	1.194.146.485.437
1. Đầu tư vào công ty con	261	15.1	1.023.949.720.000	959.904.720.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	262	15.2	41.789.600.000	76.889.600.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	15.3	9.615.625.000	9.615.625.000
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	15	(57.460.244.243)	(45.978.459.563)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	6	2.000.000.000	193.715.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	270		57.097.733.081	14.522.587.995
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	11	57.097.733.081	14.417.587.581
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272	27.4	-	105.000.414
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		2.594.656.829.743	2.671.255.010.565

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		472.284.858.044	558.342.599.177
I. Nợ ngắn hạn	310		459.784.858.044	536.297.630.478
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	100.867.310.712	302.983.205.585
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	10.274.000.000	16.390.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	4.656.521.455	1.823.423.021
4. Phải trả người lao động	315		3.822.803.261	3.570.352.261
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		172.899.036	7.473.837.135
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	19	66.354.431.744	72.353.723.064
7. Vay ngắn hạn	321	20	273.636.891.836	131.703.089.412
II. Nợ dài hạn	330		12.500.000.000	22.044.968.699
1. Vay dài hạn	339	20	12.500.000.000	22.044.968.699
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.122.371.971.699	2.112.912.411.388
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.052.281.770.000	1.918.020.350.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	21.1	2.052.281.770.000	1.918.020.350.000
2. Thặng dư vốn	412	21.1	75.418.254	75.418.254
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	21.1	70.014.783.445	194.816.643.134
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		60.555.223.134	336.529.421.707
- Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		9.459.560.311	(141.712.778.573)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.594.656.829.743	2.671.255.010.565

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



Nguyễn Thị Thúy Diễm

Đặng Phương Dung

Lưu Anh Khoa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22.1	243.785.530.979	352.536.119.680
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	22.1	243.785.530.979	352.536.119.680
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	199.453.407.256	317.315.912.538
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		44.332.123.723	35.220.207.142
6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	22.2	10.180.322.296	6.855.704.240
7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí đi vay</i>	23 24	24	22.737.587.016 7.837.304.485	136.074.494.954 11.060.198.367
8. Chi phí bán hàng	25		-	443.638.889
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	18.356.892.344	24.258.029.275
10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - (23 + 25 + 26)}	30		13.417.966.659	(118.700.251.736)
11. Thu nhập khác	31		-	3.946.962
12. Chi phí khác	32		69.587.743	150.548.971
13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(69.587.743)	(146.602.009)
14. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		13.348.378.916	(118.846.853.745)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	(3.783.818.192)	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	105.000.414	1.539.380.684
17. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		9.459.560.310	(120.386.234.429)

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



Nguyễn Thị Thúy Diễm

Đặng Phương Dung

Lưu Anh Khoa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	01		13.348.378.916	(118.846.853.735)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao và hao mòn tài sản cố định ("TSCĐ")	02	12, 13	38.402.059.705	20.018.180.463
- Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)	03		11.481.784.680	(13.436.968.686)
- (Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(10.157.786.796)	131.322.975.374
- Chi phí đi vay	06	24	7.837.304.485	11.060.198.367
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		60.911.740.990	30.117.531.783
- Giảm các khoản phải thu	09		408.385.923.680	14.102.360.960
- Giảm (tăng) hàng tồn kho	10		68.073.995.236	(32.512.780.845)
- (Giảm) tăng các khoản phải trả	11		(230.950.625.021)	66.481.395.916
- (Tăng) giảm chi phí chờ phân bổ	12		(43.133.255.567)	2.373.448.854
- Tăng chứng khoán kinh doanh	13		(432.800.000.000)	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(8.285.072.514)	(17.568.118.589)
- Thuế TNDN đã nộp	15		-	(4.377.636.288)
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh	20		(177.797.293.196)	58.616.201.791
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ	21		(71.379.785.284)	(76.048.035.814)
2. Tiền chi cho vay và gửi tiền tiết kiệm có kỳ hạn	23		(668.224.393.940)	(116.146.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	24		807.445.393.940	52.499.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(28.967.000.000)	(213.013.600.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2.198.980.000
6. Thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		3.447.761.413	15.703.787.652
Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư	30		42.321.976.129	(334.805.868.162)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	548.005.810.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	20	305.103.720.034	108.257.456.873
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	20	(172.714.886.309)	(344.130.661.777)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		132.388.833.725	312.132.605.096

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(3.086.483.342)	35.942.938.725
Tiền đầu kỳ	60		27.925.551.729	38.416.885.363
Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	24.839.068.387	74.359.824.088

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



Nguyễn Thị Thúy Diễm



Đặng Phương Dung




Phạm Anh Khoa

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (“Công ty”), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0304592171 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh – nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006 và điều chỉnh gần nhất lần thứ 35 cấp ngày 11 tháng 6 năm 2026.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 67 (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 60).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh – “TM” số 15.1*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 đề ngày 28 tháng 8 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) tuân thủ và phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc, và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ báo cáo

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán phát sinh từ việc áp dụng lần đầu Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99").

Thay đổi chính sách kế toán do áp dụng quy định kế toán mới theo Thông tư 99

Vào ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 99, thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 99 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 99 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 99, như được trình bày tại TM số 31.

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty xác định số lượng và tính giá trị hàng tồn kho theo từng lần phát sinh. Giá trị hàng tồn kho đó được xác định như sau:

- | | |
|-----------------------|---|
| Hàng hóa | - chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước |
| Chương trình sản xuất | - chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh; |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là khoản dự tính trước phần giá trị bị giảm xuống (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v...) thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho và nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do hàng hóa tồn kho khác bị giảm giá. Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình bao gồm những tài sản có hình thái vật chất do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản đó có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Chương trình phim ngắn và truyền hình thực tế	2 - 5 năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	10 - 44 năm
Phần mềm máy tính	5 - 6 năm

TSCĐ hữu hình được bắt đầu trích khấu hao ngay khi tài sản bắt đầu có khả năng sử dụng hữu ích. TSCĐ vô hình được bắt đầu trích khấu hao từ khi đưa vào sử dụng.

3.9 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí mua sắm mới tài sản chưa được nghiệm thu xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản dở dang chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng, cho thuê hoặc quản trị của Công ty mà chưa hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Chi phí xây dựng cơ bản không được khấu trừ cho đến khi nó đã hoàn thành và đưa vào hoạt động.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong kỳ trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ khi phát sinh.

3.11 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- ▶ Chương trình đang phát sóng;
- ▶ Công cụ, dụng cụ;
- ▶ Chi phí sửa chữa văn phòng;
- ▶ Khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có ảnh hưởng đáng kể được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn một phần hoặc toàn bộ giá trị của khoản đầu tư (bao gồm cả các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu có) bị suy giảm giá trị hoặc không thu hồi được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.13 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả bao gồm khoản nợ phải trả của Công ty cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết và các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ.

3.14 Các khoản chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá ghi sổ tùy theo nội dung và bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái tại ngày theo nguyên tắc sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tỷ giá giao dịch thực tế

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá ghi sổ

Tỷ giá ghi sổ bao gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Việc áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hay tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền tùy theo đặc điểm và yêu cầu quản lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của Công ty.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.17 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh tương ứng với số cổ phiếu phát hành thành công. Phần chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành nghiệm thu.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính.

3.20 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

3.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

3.22 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình mật thiết trong gia đình của họ.

3.24 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG KỲ

4.1 Tăng vốn trong Công ty TNHH Truyền thông và Giải trí Mango+ (“Mango+”)

Vào ngày 5 tháng 2 năm 2026, Công ty đã góp thêm vốn điều lệ trong Mango+ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 13/2026/NQ/HĐQT/YEG ngày 2 tháng 2 năm 2026 và đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 5 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 2 năm 2026. Theo đó, vốn điều lệ của Mango+ tăng từ 43.718.920.000 VND lên 69.985.920.000 VND.

4.2 Nhận chuyển nhượng thêm cổ phần của Công ty Cổ phần 1Game (“1Game”)

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 42/2026/NQ/HĐQT/YEG và Biên bản họp số 41/2026/BBH/HĐQT/YEG ngày 13 tháng 3 năm 2026, Công ty đã nhận chuyển nhượng 90.000 cổ phần tương ứng với 2% tỷ lệ sở hữu trong 1Game từ một bên thứ ba với số tiền là 900.000.000 VND. Theo đó, sau khi hoàn tất chuyển nhượng, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong 1Game tăng từ 49% lên 51% và 1Game trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. TIỀN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Các khoản tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng		
Tiền gửi ngân hàng	24.839.068.387	27.925.551.729
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	20.430.722.366	26.029.317.455
- Các khoản tiền gửi không kỳ hạn khác	4.408.346.021	1.896.234.274
TỔNG CỘNG	24.839.068.387	27.925.551.729

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 Chứng khoán kinh doanh

Theo Nghị quyết HĐQT số 50/2026/NQ/HĐQT/YEG và số 51/2026/NQ/HĐQT/YEG ngày 23 tháng 3 năm 2026, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt chủ trương ủy thác đầu tư vốn cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB để thực hiện hoạt động đầu tư tài chính tại Công ty Cổ phần Tera Group và Công ty Cổ phần Tera Ventures, với số vốn ủy thác lần lượt là 260.000.000.000 VND và 172.800.000.000 VND theo hình thức hợp đồng ủy thác đầu tư, tỷ lệ sở hữu sau khi đầu tư tại mỗi công ty không vượt quá 49,99%. Chi tiết như sau:

	VND		
	Số cuối kỳ		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Tera Group	260.000.000.000	260.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tera Ventures	172.800.000.000	172.800.000.000	-
TỔNG CỘNG	432.800.000.000	432.800.000.000	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này chưa được xác định chính thức do thiếu thông tin thị trường đầy đủ để thực hiện việc định giá. Căn cứ vào báo cáo tư vấn đầu tư được lập tại thời điểm thực hiện giao dịch và các thông tin sẵn có đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc nhận thấy không có sự kiện trọng yếu phát sinh hoặc thay đổi đáng kể nào ảnh hưởng đến giá trị của các khoản đầu tư này kể từ ngày mua.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ			VNĐ
	Giá gốc		Dự phòng	Giá gốc		Số đầu kỳ	
	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		
Ngắn hạn	292.137.407.760	292.109.976.249	-	232.911.382.377	232.911.382.377	-	
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	216.120.187.672	216.120.187.672	-	164.600.000.000	164.600.000.000	-	
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần ("TMCP") Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	160.000.000.000	160.000.000.000	-	140.000.000.000	140.000.000.000	-	
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hồ Chí Minh	31.120.187.672	31.120.187.672	-	24.600.000.000	24.600.000.000	-	
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	
Cho vay (**)	76.017.220.088	75.989.788.577	-	68.311.382.377	68.311.382.377	-	
- Các bên khác	1.479.756.749	1.452.325.238	-	1.257.225.890	1.257.225.890	-	
- Các bên liên quan (TM số 28)	74.537.463.339	74.537.463.339	-	67.054.156.487	67.054.156.487	-	
Dài hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	-	193.715.000.000	193.715.000.000	-	
Cho vay (**)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	193.715.000.000	193.715.000.000	-	
- Bên khác	1.400.000.000	1.400.000.000	-	1.600.000.000	1.600.000.000	-	
- Bên liên quan (TM số 28)	600.000.000	600.000.000	-	192.115.000.000	192.115.000.000	-	
TỔNG CỘNG	294.137.407.760	294.109.976.249	-	426.626.382.377	426.626.382.377	-	

(*) Số cuối kỳ thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại dưới một (1) năm, lãi dồn tích liên quan đến các khoản tiền gửi này với lãi suất được hưởng dao động từ 6,0% đến 8,45%.

Như được trình bày tại TM số 20, Công ty đã dùng một phần tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

(**) Số cuối kỳ thể hiện các khoản cho vay tín chấp bao gồm gốc cho vay và khoản lãi dồn tích liên quan tới các hợp đồng cho vay. Chi tiết như sau:

Bên vay	Số cuối kỳ VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm
Ngắn hạn			
Cho vay các bên liên quan	74.537.463.339		
- Công ty TNHH 1Production ("1Production")	25.930.930.793	Ngày 26 tháng 6 năm 2027	8,0
- Công ty TNHH Yeah1 Up ("Y1U")	19.293.353.988	Từ ngày 20 tháng 12 năm 2026 đến ngày 28 tháng 4 năm 2027	8,0 – 10,5
- Công ty Cổ phần 1Creators ("1Creators")	19.093.611.499	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2026 đến ngày 15 tháng 5 năm 2027	8,0
- Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam ("Netlink")	9.396.404.867	Từ ngày 2 tháng 12 năm 2026 đến ngày 6 tháng 6 năm 2027	8,0 – 10,5
- 1Game	823.162.192	Ngày 10 tháng 6 năm 2027	8,0
Cho vay các bên khác	1.479.756.749		
- Công ty TNHH Media Investment Hub Việt Nam	1.252.325.238	Từ ngày 27 tháng 10 năm 2026 đến ngày 7 tháng 11 năm 2026	8,0
- Công ty TNHH Media Kingdom Việt Nam	227.431.511	Từ ngày 14 tháng 1 năm 2027 đến ngày 24 tháng 2 năm 2027	8,0
TỔNG CỘNG	76.017.220.088		
Dài hạn			
Cho vay bên liên quan	600.000.000		
- Netlink	600.000.000	Ngày 21 tháng 8 năm 2028	8,0
Cho vay bên khác	1.400.000.000		
- Công ty TNHH Media Investment Hub Việt Nam	1.400.000.000	Ngày 1 tháng 10 năm 2027	8,0
TỔNG CỘNG	2.000.000.000		

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ
Phải thu từ các bên khác	19.595.967.130	315.599.465.330
- Công ty Cổ phần Tera Ventures	4.277.800.000	244.277.800.000
- Công ty TNHH Smart Pro	4.104.000.000	-
- Công ty Cổ phần King Production	-	14.335.110.000
- Khác	11.214.167.130	56.986.555.330
Phải thu từ các bên liên quan (TM số 28)	45.154.711.653	44.754.419.154
TỔNG CỘNG	64.750.678.783	360.353.884.484
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(526.007.130)	(419.125.706)
GIÁ TRỊ THUẦN	64.224.671.653	359.934.758.778

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Trả trước cho các bên khác	187.085.614.359	210.862.091.139
- Công ty Cổ phần Tera Group	154.214.476.520	154.214.476.520
- Công ty Cổ phần Giải trí và Sự kiện Hand	32.517.000.000	41.685.000.000
- Khác	354.137.839	14.962.614.619
Trả trước cho các bên liên quan (TM số 28)	36.245.716.870	10.447.059.707
TỔNG CỘNG	223.331.331.229	221.309.150.846
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn	(28.000.000)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	223.303.331.229	221.309.150.846

9. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngắn hạn	9.767.672.425	123.570.765.592
Phải thu từ thu hộ (*)	7.891.587.782	22.245.957.071
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	99.875.000.000
Khác	1.876.084.643	1.449.808.521
Dài hạn	203.093.834.800	203.064.334.800
Đặt cọc nhận chuyển nhượng đất và tài sản gắn liền với đất (**)	196.000.000.000	196.000.000.000
Khác	7.093.834.800	7.064.334.800
TỔNG CỘNG	212.861.507.225	326.635.100.392
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác	(252.001.556)	(73.337.895)
GIÁ TRỊ THUẦN	212.609.505.669	326.561.762.497
<i>Trong đó:</i>		
Các bên khác	204.095.934.584	304.164.615.713
Các bên liên quan (TM số 28)	8.765.572.641	22.470.484.679

(*) Đây là các khoản phải thu từ thu chi hộ Công ty theo các hợp đồng ủy quyền để thực hiện các hoạt động truyền thông - thương mại.

(**) Đây là khoản đặt cọc trong vòng 5 năm để đảm bảo thực hiện việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và công trình xây dựng có công năng phục vụ mục đích văn phòng theo Giấy Chứng nhận Quyền Sử dụng đất Số CI426639 tại địa chỉ số 140, Đường Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Hợp đồng Số 1456/2024/HĐĐC/YEG-SG3 ngày 29 tháng 12 năm 2024 và Giấy Chứng nhận Quyền Sử dụng đất Số CI426639. Quyền sử dụng đất này đang được dùng để thế chấp cho khoản vay của Công ty và các công ty con tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định (TM số 20.1).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chương trình đang sản xuất dở dang	1.302.815.622	69.183.596.866
Hàng hóa	271.636.092	464.850.084
TỔNG CỘNG	1.574.451.714	69.648.446.950

11. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngắn hạn	1.239.976.167	786.866.100
Phần mềm	1.200.594.077	567.938.668
Khác	39.382.090	218.927.432
Dài hạn	57.097.733.081	14.417.587.581
Chương trình đang phát sóng	47.350.351.545	-
Chi phí cải tạo văn phòng	8.573.284.276	12.679.096.582
Công cụ, dụng cụ	226.152.241	738.161.520
Khác	947.945.019	1.000.329.479
TỔNG CỘNG	58.334.206.030	15.204.453.681

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND
	Máy móc thiết bị
Nguyên giá	
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	998.567.381
Trong đó:	
Đã khấu hao hết	60.440.000
Giá trị khấu hao lũy kế	
Số đầu kỳ	(774.147.043)
- Khấu hao trong kỳ	(54.828.757)
Số cuối kỳ	(828.975.800)
Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	224.420.338
Số cuối kỳ	169.591.581

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Chương trình phim ngắn và truyền hình thực tế (*)	Nhãn hiệu, tên thương mại	Phần mềm máy tính	VND	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	237.563.538.485	2.524.382.154	160.000.000	240.247.920.639	
- Mua trong kỳ	80.547.785.284	-	-	80.547.785.284	
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	628.622.222	-	-	628.622.222	
Số cuối kỳ	318.739.945.991	2.524.382.154	160.000.000	321.424.328.145	
Trong đó:					
Đã hao mòn hết	392.440.479	-	35.000.000	427.440.479	
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu kỳ	(75.137.412.284)	(884.041.896)	(77.333.343)	(76.098.787.523)	
- Hao mòn trong kỳ	(38.302.942.512)	(28.288.434)	(16.000.002)	(38.347.230.948)	
Số cuối kỳ	(113.440.354.796)	(912.330.330)	(93.333.345)	(114.446.018.471)	
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	162.426.126.201	1.640.340.258	82.666.657	164.149.133.116	
Số cuối kỳ	205.299.591.195	1.612.051.824	66.666.655	206.978.309.674	

(*) Đây là chi phí liên quan đến các chương trình phim ngắn độc quyền và truyền hình thực tế mà Công ty nhận chuyển nhượng từ các đối tác và tự sản xuất. Vào ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình đăng ký quyền sở hữu các chương trình này với Cục Bản quyền Tác giả thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phần mềm Onstudio	42.605.000.000	42.605.000.000
Phần mềm YEG DX	13.944.000.000	13.944.000.000
Khác	-	628.622.222
TỔNG CỘNG	<u>56.549.000.000</u>	<u>57.177.622.222</u>

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Đầu tư vào công ty con (TM số 15.1)	1.023.049.720.000	959.904.720.000
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 15.2)	41.789.600.000	76.889.600.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 15.3)	9.615.625.000	9.615.625.000
TỔNG CỘNG	<u>1.075.354.945.000</u>	<u>1.046.409.945.000</u>
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn	<u>(57.460.244.243)</u>	<u>(45.978.459.563)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>1.017.894.700.757</u>	<u>1.000.431.485.437</u>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty con

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 8 công ty con trực tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 9 công ty con trực tiếp):

STT	Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
				Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ vốn nắm giữ và quyền biểu quyết %	Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ vốn nắm giữ và quyền biểu quyết %
1	1Production	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	Đang hoạt động	350.000.000.000	-	100,00	350.000.000.000	-	100,00
2	Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital ("Y1D")	Sản xuất và phân phối nội dung truyền hình, video và các sản phẩm truyền thông kỹ thuật số	Đang hoạt động	255.844.800.000	-	69,55	255.844.800.000	-	69,55
3	Netlink	Dịch vụ quảng cáo và truyền thông số	Đang hoạt động	203.319.000.000	(4.206.670.870)	69,00	203.319.000.000	(4.980.480.646)	69,00
4	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam ("Y1N")	Dịch vụ quảng cáo	Đang hoạt động	80.000.000.000	(5.271.571.103)	100,00	80.000.000.000	(10.935.222.936)	100,00
5	Mango+	Phát hành phim điện ảnh, video và chương trình truyền hình.	Đang hoạt động	69.985.920.000	(17.540.682.968)	100,00	43.718.920.000	(7.189.229.527)	100,00
6	1Game	Trò chơi điện tử và quảng cáo	Đang hoạt động	37.800.000.000	(2.599.450.770)	51,00	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 8 công ty con trực tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 9 công ty con trực tiếp): (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
				Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp %	Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp %
7	Y1U	Quảng cáo, sản xuất chương trình	Đang hoạt động	25.000.000.000	(13.744.867.445)	100,00	25.000.000.000	(13.257.901.454)	100,00
8	Công ty TNHH 1Brandlink ("1Brandlink")	Dịch vụ quảng cáo	Đang hoạt động	2.000.000.000	-	100,00	2.000.000.000	-	100,00
9	Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1 (*)	Dịch vụ quảng cáo	Đã giải thể	-	-	-	12.000.000	-	50,98
10	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số (*)	Tư vấn máy tính và quản trí hệ thống máy tính	Đã giải thể	-	-	-	10.000.000	-	51,00
TỔNG CỘNG				1.023.949.720.000	(43.363.243.156)		959.904.720.000	(36.362.834.563)	

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các Công ty con này đã hoàn tất thủ tục giải thể và chấm dứt hoạt động.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con này chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Do đó, giá trị hợp lý có thể khác với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 7 công ty con gián tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 9 công ty con gián tiếp):

STT	Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
				Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
1	Công ty TNHH Yeah1 Publishing ("Y1P")	Dịch vụ quảng cáo	Đang hoạt động	64,86	94,00	64,86	94,00
2	Netlink Communication Technology Ltd ("Netlink BVI")	Tư vấn marketing, quảng cáo, gia công phần mềm, dịch vụ tư vấn quản lý, tổ chức sự kiện và nghiên cứu thị trường, thăm dò dự luận	Đang hoạt động	35,18	50,99	35,18	50,99
3	Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số ("DCC")	Dịch vụ quảng cáo	Đang hoạt động	69,55	100,00	69,55	100,00
4	Công ty TNHH Vietnam Music Award ("VMA")	Dịch vụ quảng cáo, sản xuất chương trình	Đang hoạt động	35,47	51,00	35,47	51,00
5	Công ty TNHH Tíng Tíng Network ("Tíng Tíng")	Dịch vụ quảng cáo, sản xuất chương trình	Đang hoạt động	69,55	100,00	69,55	100,00
6	Công ty TNHH Big Cat ("BigCat")	Dịch vụ quảng cáo, sản xuất chương trình	Đang hoạt động	55,64	80,00	55,64	80,00
7	Web Publishing Corp.	Dịch vụ quảng cáo	Đang hoạt động	17,63	50,10	17,63	50,10
8	Công ty Cổ phần Tstudio ("Tstudio") (*)	Dịch vụ quảng cáo, hoạt động hậu kì	Đang hoạt động	-	-	41,69	59,95
9	Netlink Online Pte. Ltd ("Netlink Online") (**)	Dịch vụ quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	Đã giải thể	-	-	35,18	100,00

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số, con ty con gián tiếp của Công ty, đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ 41,69% tỷ lệ sở hữu (tương đương 59,95% tỷ lệ quyền biểu quyết) của Tstudio, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 222/2026/NQ/HĐQT/YEG ngày 29 tháng 6 năm 2026. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong Tstudio giảm xuống 0% và Tstudio không còn là công ty con gián tiếp của Công ty kể từ ngày này.

(**) Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, công ty con này đã hoàn tất thủ tục giải thể và chấm dứt hoạt động.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 3 công ty liên kết như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 4 công ty liên kết):

STT	Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
			Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %	Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %
1	1Creators	Lập trình máy vi tính	36.000.000.000	(4.481.376.087)	36,00	36.000.000.000	-	36,00
2	Công ty Cổ phần SYE Holdings ("SYE Holdings")	Quảng cáo, sản xuất chương trình	3.789.600.000	-	49,00	2.889.600.000	-	49,00
3	Công ty TNHH Meta Blossom ("Meta Blossom")	Quảng cáo	2.000.000.000	-	40,00	2.000.000.000	-	40,00
4	1Game (TM số 4.1)	Trò chơi điện tử và quảng cáo	-	-	-	36.000.000.000	-	49,00
TỔNG CỘNG			41.789.600.000	(4.481.376.087)		76.889.600.000		

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết này chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Do đó, giá trị hợp lý có thể khác với giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty khác như sau:

STT	Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
			Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %	Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %
1	Công ty Cổ phần ADS Group Việt Nam	Quản trị website, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4,40	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4,40
2	Công ty Cổ phần Gamify	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15,00	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15,00
3	Công ty Cổ phần Shopiness	Cổng thông tin, xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10,00	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10,00
TỔNG CỘNG			9.615.625.000	(9.615.625.000)		9.615.625.000	(9.615.625.000)	

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác này chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Do đó, giá trị hợp lý có thể khác với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Các bên liên quan (TM số 28)	86.665.100.595	290.119.977.052
Các bên khác	14.202.210.117	12.863.228.533
- Công ty TNHH STVProduction	6.374.700.467	6.374.700.467
- Khác	7.827.509.650	6.488.528.066
TỔNG CỘNG	100.867.310.712	302.983.205.585

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Trả trước từ các bên khác	8.240.000.000	140.000.000
Trả trước từ các bên liên quan (TM số 28)	2.034.000.000	16.250.000.000
TỔNG CỘNG	10.274.000.000	16.390.000.000

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	1.956.842.180	16.544.610.796	(17.251.195.737)	1.250.257.239
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.783.818.192	-	3.783.818.192
Thuế thu nhập cá nhân	1.388.992.015	2.155.112.171	(2.851.725.860)	692.378.326
Thuế giá trị gia tăng	351.810.503	18.302.423.207	(18.515.322.158)	138.911.552
Khác	82.620.503	-	(41.207.118)	41.413.385
TỔNG CỘNG	1.823.423.021	24.241.353.570	(21.408.255.136)	4.656.521.455

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải trả các khoản nhờ chi hộ cho việc sản xuất các Dự án chương trình (*)	33.551.203.575	32.648.864.497
Phải trả tiền nhận góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (**)	24.174.391.330	31.500.000.000
Lãi vay	1.884.992.000	2.382.583.247
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	848.273.839	407.838.578
Khác	5.895.571.000	5.414.436.742
TỔNG CỘNG	66.354.431.744	72.353.723.064
Trong đó:		
Các bên liên quan (TM số 28)	35.058.080.060	33.518.860.979
Các bên khác	31.296.351.684	38.834.862.085

(*) Đây là các khoản phải trả từ thu chi hộ Công ty theo các hợp đồng ủy quyền để thực hiện các hoạt động truyền thông – thương mại.

(**) Đây là khoản vốn góp nhận từ Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam ("VTVcab") liên quan đến Hợp đồng Nguyên tắc Hợp tác thực hiện Dự án sản xuất chương trình số 1606/2023/HĐHTKD/VTVcab-YEAH1 và Phụ lục Hợp đồng số 1 ngày 16 tháng 6 năm 2023, quy định cụ thể nội dung hợp tác Dự án "Chị đẹp đạp gió rẽ sóng mùa 1". Theo đó, giá trị vốn góp của Dự án là 63.000.000.000 VND và tỷ lệ góp vốn và tỷ lệ phân chia doanh thu, chi phí Dự án của Công ty và VTVcab là 50:50. Công ty chịu trách nhiệm hạch toán kế toán cho hoạt động kinh doanh của Dự án. Theo biên bản đối trừ công nợ giữa Công ty và VTVcab ngày 22 tháng 4 năm 2026, hai bên đã thực hiện cân trừ công cho khoản phải thu VTVcab với giá trị là 8.000.100.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY

	Số đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả nợ vay trong kỳ	Phân loại lại	VND Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn	131.703.089.412	305.103.720.034	(171.214.886.309)	8.044.968.699	273.636.891.836
Vay ngân hàng (TM số 20.1)	91.608.879.302	204.143.013.461	(92.179.731.171)	-	203.572.161.592
Vay bên liên quan (TM số 20.2 và 28)	27.790.000.000	93.027.206.573	(71.949.483.610)	-	48.867.722.963
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (TM số 20.1)	12.169.210.110	-	(7.085.671.528)	8.044.968.699	13.128.507.281
Các khoản vay khác (TM số 20.3)	135.000.000	7.933.500.000	-	-	8.068.500.000
Vay dài hạn	22.044.968.699	-	(1.500.000.000)	(8.044.968.699)	12.500.000.000
Vay ngân hàng (TM số 20.1)	20.544.968.699	-	-	(8.044.968.699)	12.500.000.000
Vay bên liên quan	1.500.000.000	-	(1.500.000.000)	-	-
TỔNG CỘNG	153.748.058.111	305.103.720.034	(172.714.886.309)	-	286.136.891.836
20.1 Vay ngân hàng					

Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm tài trợ hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:

Ngân hàng	Số cuối kỳ (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định	79.949.435.440	Từ ngày 9 tháng 7 năm 2026 đến ngày 27 tháng 11 năm 2026	7,0 – 9,0	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba (TM số 9).
Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng	73.622.726.152	Từ ngày 13 tháng 7 năm 2026 đến ngày 29 tháng 12 năm 2026	8,0 – 14,0	Các hợp đồng tiền gửi ngắn hạn thuộc sở hữu của Công ty với tổng giá trị 30.000.000.000 VND (TM số 6).
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	50.000.000.000	Ngày 29 tháng 12 năm 2026	9,0	Các hợp đồng tiền gửi ngắn hạn thuộc sở hữu của Công ty với tổng giá trị 25.000.0000.000 VND (TM số 6).
TỔNG CỘNG	203.572.161.592			

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Vay ngân hàng (tiếp theo)

Công ty thực hiện các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định để thanh toán các khoản đầu tư mua sắm tài sản cố định vô hình là bản quyền các tác phẩm phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:

Bên cho vay	Số cuối kỳ VND	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/năm	Thế chấp
Khoản vay 1	22.500.000.000	Từ ngày 23 tháng 7 năm 2026 đến ngày 14 tháng 9 năm 2028	Thả nổi	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền
Khoản vay 2	3.128.507.281	Từ ngày 22 tháng 7 năm 2026 đến ngày 18 tháng 4 năm 2027	8,0	với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba

TỔNG CỘNG **25.628.507.281**

Trong đó

Vay dài hạn 12.500.000.000

Vay dài hạn 13.128.507.281

đến hạn trả

20.2 Vay bên liên quan

Đây là các khoản vay tín chấp từ các bên liên quan nhằm bổ sung nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau: (TM số 28)

Bên cho vay	Số cuối kỳ VND	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/năm
Y1N	41.967.722.963	Từ ngày 29 tháng 6 năm 2027 đến ngày 30 tháng 6 năm 2027	8,0
NDS	2.500.000.000	Ngày 24 tháng 6 năm 2027	8,0
VMA	2.000.000.000	Từ ngày 10 tháng 3 năm 2027 đến ngày 17 tháng 5 năm 2027	8,0 - 10,5
Meta Blossom	1.000.000.000	Ngày 30 tháng 1 năm 2027	10,5
Y1D	800.000.000	Ngày 29 tháng 6 năm 2027	8,0
TingTing	600.000.00	Từ ngày 19 tháng 12 năm 2026 đến ngày 27 tháng 5 năm 2027	8,0 - 10,5

TỔNG CỘNG **48.867.722.963**

20.3 Các khoản vay khác

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số cuối kỳ VND	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/năm
Ông Võ Xuân Huy	7.933.500.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2027	8,0
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	135.000.000	Ngày 20 tháng 12 năm 2026	10,5
TỔNG CỘNG	8.068.500.000		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1. Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
				Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025				
Số đầu kỳ	1.370.014.540.000	140.518.254	336.529.421.707	1.706.684.479.961
- Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	548.005.810.000	(65.100.000)	-	547.940.710.000
- Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(141.712.778.573)	(141.712.778.573)
Số cuối kỳ	1.918.020.350.000	75.418.254	194.816.643.134	2.112.912.411.388
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026				
Số đầu kỳ	1.918.020.350.000	75.418.254	194.816.643.134	2.112.912.411.388
- Tăng vốn từ lợi nhuận giữ lại (*)	134.261.420.000	-	(134.261.420.000)	-
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	9.459.560.311	9.459.560.311
Số cuối kỳ	2.052.281.770.000	75.418.254	70.014.783.445	2.122.371.971.699

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 104/2026/YEG/NQ/ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 173/2026/NQ/HĐQT/YEG ngày 26 tháng 5 năm 2026, cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt việc phát hành thêm 134.261.420 cổ phiếu phổ thông, tương đương với số vốn điều lệ tăng thêm là 134.261.420.000 VND từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Vào ngày 6 tháng 5 năm 2026, theo công văn số 3697/UBCK-QKCB, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC") thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả phát hành phát hành cổ phiếu nói trên.

Vào ngày 11 tháng 6 năm 2026, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 35 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 1.918.020.350.000 VND lên 2.052.281.770.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu kỳ	1.918.020.350.000	1.370.014.540.000
Tăng trong kỳ	134.261.420.000	548.005.810.000
Số cuối kỳ	<u>2.052.281.770.000</u>	<u>1.918.020.350.000</u>
Cổ tức		
Phát hành cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	134.261.420.000	-

21.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Cổ phiếu đăng ký	205.228.177	191.802.035
Cổ phiếu đã phát hành	205.228.177	191.802.035
Cổ phiếu phổ thông	205.228.177	191.802.035
Cổ phiếu đang lưu hành	205.228.177	191.802.035
Cổ phiếu phổ thông	205.228.177	191.802.035

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Doanh thu tổ chức sự kiện, quảng cáo và tư vấn truyền thông	193.726.193.808	302.799.725.162
Doanh thu về cho thuê mặt bằng và cung cấp dịch vụ tư vấn	38.213.479.630	29.026.270.370
Doanh thu cung cấp bản quyền nội dung số	11.845.857.541	14.846.697.743
Doanh thu bán hàng	-	5.863.426.405
TỔNG CỘNG	<u>243.785.530.979</u>	<u>352.536.119.680</u>
Trong đó		
Doanh thu đối với bên khác	129.948.091.858	311.576.940.023
Doanh thu đối với bên liên quan (TM số 28)	113.837.439.121	40.959.179.657

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

		VND
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi và cho vay	10.179.786.796	6.844.436.849
Khác	535.500	11.267.391
TỔNG CỘNG	10.180.322.296	6.855.704.240
Trong đó:		
Các bên liên quan (TM số 28)	8.943.091.554	2.522.427.066
Các bên khác	1.237.230.742	4.333.277.174

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

		VND
	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn về quảng cáo và tư vấn truyền thông	142.735.597.723	270.035.012.674
Giá vốn về cho thuê mặt bằng và cung cấp dịch vụ tư vấn	30.570.783.704	21.340.879.259
Chi phí cung cấp bản quyền nội dung số	26.147.025.829	22.009.803.598
Giá vốn bán hàng hóa	-	3.930.217.007
TỔNG CỘNG	199.453.407.256	317.315.912.538

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

		VND
	Kỳ này	Kỳ trước
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) đầu tư tài chính dài hạn	11.481.784.680	(13.176.762.035)
Chi phí đi vay	7.837.304.485	11.060.198.367
Phí quản lý dự án đầu tư	3.396.497.851	-
Lỗ từ thanh lý và xóa sổ khoản đầu tư dài hạn	22.000.000	138.167.412.233
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	23.646.389
TỔNG CỘNG	22.737.587.016	136.074.494.954
Trong đó:		
Các bên khác	12.338.680.793	134.186.957.257
Các bên liên quan (TM số 28)	10.398.906.223	1.887.537.697

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

		VND
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.348.058.827	18.624.679.328
Chi phí nhân viên	5.196.948.724	4.325.693.823
Chi phí khấu hao và hao mòn	117.371.065	136.115.640
Khác	6.694.513.728	1.171.540.484
TỔNG CỘNG	18.356.892.344	24.258.029.275

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

		VND
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	156.875.532.998	335.353.356.550
Chi phí nhân viên	15.838.193.169	17.486.653.082
Chi phí khấu hao và hao mòn (TM số 12 và 13)	38.402.059.705	20.018.180.463
Khác	6.694.513.728	1.672.171.452
TỔNG CỘNG	217.810.299.600	374.530.361.547

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

		VND
	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	13.348.378.916	(118.846.853.745)
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	2.669.675.783	(23.769.370.749)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	1.114.142.409	22.926.218.445
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	-	843.152.304
Chi phí thuế TNDN	3,783,818,192	-

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Kỳ này	Kỳ trước
Các khoản dự phòng	-	105.000.414	(105.000.414)	(1.539.380.684)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một Công ty.

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và 30 tháng 6 năm 2025, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
1Production	Công ty con
Y1N	Công ty con
1Brandlink	Công ty con
Y1U	Công ty con
Netlink	Công ty con
Y1D	Công ty con
Mango+	Công ty con
1Game	Công ty liên kết (đến ngày 4 tháng 3 năm 2026) Công ty con (từ ngày 4 tháng 3 năm 2026)
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	Công ty con (đã giải thể ngày 5 tháng 8 năm 2026)
Y1P	Công ty con gián tiếp
Netlink BVI	Công ty con gián tiếp
BigCat	Công ty con gián tiếp
Tstudio	Công ty con gián tiếp
VMA	Công ty con gián tiếp
DCC	Công ty con gián tiếp
TingTing	Công ty con gián tiếp
Web Publishing Corp.	Công ty con gián tiếp
Netlink Online	Công ty con gián tiếp (đã giải thể ngày 11 tháng 5 năm 2026)
1Creators	Công ty liên kết
1Talents	Công ty liên kết
SYE Holdings	Công ty liên kết
Meta Blossom	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bồ Công Anh ("Bồ Công Anh")	Công ty có nhân sự quản lý chủ chốt là bên liên quan của nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty (đến ngày 3 tháng 2 năm 2025)
Công ty Cổ phần Finbase ("Finbase")	Công ty có nhân sự quản lý chủ chốt là bên liên quan của nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty
Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE ("DNSE")	Công ty có nhân sự quản lý chủ chốt là bên liên quan của nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty
Công ty Cổ phần King Production ("King Production")	Công ty có nhân sự quản lý chủ chốt là bên liên quan của nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau (tiếp theo):

Bên liên quan

Mối quan hệ

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT
Ông Huỳnh Quân Minh	Phó Tổng Giám Đốc (từ ngày 4 tháng 3 năm 2026)
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám Đốc (đến ngày 4 tháng 3 năm 2026)
Bà Nguyễn Thị Khánh Trang	Giám đốc tài chính (từ ngày 27 tháng 8 năm 2025 đến ngày 10 tháng 8 năm 2026)
Bà Đặng Phương Dung	Kế toán trưởng (từ ngày 27 tháng 8 năm 2025)
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS")
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS
Bà Lê Thị Hoa	Thành viên BKS (từ ngày 22 tháng 4 năm 2025)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>VND</i>
			<i>Kỳ trước</i>
1Production	Cho vay	170.410.000.000	66.572.000.000
	Mua dịch vụ	139.019.259.259	223.405.164.442
	Nhờ thu hộ	36.544.386.958	15.721.287.427
	Lãi cho vay	5.367.071.123	800.030.097
	Chi hộ	4.106.147.821	15.205.912.012
	Cung cấp dịch vụ	2.709.000.000	2.765.700.000
	Góp vốn	-	211.000.000.000
Y1D	Cho vay	55.170.000.000	29.012.000.000
	Vay	39.880.000.000	4.780.000.000
	Cung cấp dịch vụ	9.301.088.360	3.313.800.000
	Cung cấp bản quyền nội dung số	7.164.327.634	5.618.791.037
	Mua dịch vụ	5.129.099.259	-
	Lãi vay	490.794.520	19.250.959
	Lãi cho vay	338.170.739	408.530.102
Y1N	Cho vay	104.380.000.000	-
	Vay	42.327.206.573	15.600.000.000
	Cung cấp dịch vụ	11.847.014.837	1.957.796.296
	Thu hộ	5.197.536.720	-
	Mua bản quyền nội dung số	4.444.444.445	1.627.843.205
	Nhờ thu hộ	2.386.574.467	16.309.611.546
	Lãi cho vay	1.112.793.427	-
	Mua dịch vụ	677.880.000	-
	Lãi vay	135.552.007	1.470.082.560

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
BigCat	Cung cấp bản quyền		
	nội dung số	1.814.949.377	3.015.200.213
	Cung cấp dịch vụ	1.001.700.000	4.808.070.370
	Mua dịch vụ	8.510.714.750	8.424.796.847
	Vay	-	6.700.000.000
	Lãi vay	-	123.353.425
Netlink	Cho vay	600.000.000	6.069.000.000
	Lãi cho vay	428.240.960	412.265.959
DCC	Vay	3.360.000.000	-
	Cho vay	1.240.000.000	2.920.000.000
	Cung cấp bản quyền		
	nội dung số	720.794.320	3.161.500.024
	Mua dịch vụ	284.034.861	1.370.119.010
	Lãi cho vay	34.409.314	95.098.353
	Lãi vay	4.186.301	-
SYE Holdings	Cung cấp dịch vụ	2.389.819.718	7.595.430.923
	Mua dịch vụ	1.964.960.000	1.171.581.910
	Cung cấp bản quyền		
	nội dung số	370.427.811	1.325.547.272
	Lãi vay	23.486.301	53.075.341
	Góp vốn	-	2.013.600.000
	Vay	-	1.500.000.000
Y1U	Cho vay	8.000.000.000	5.423.000.000
	Lãi cho vay	660.616.408	783.250.088
	Nhờ thu hộ	-	224.008.156
1Brandlink	Cho vay	28.600.000.000	-
	Chi hộ	7.776.000.000	3.888.000.000
	Nhờ thu hộ	7.200.000.000	-
	Vay	6.500.000.000	3.000.000.000
	Cung cấp dịch vụ	5.337.553.821	3.600.514.818
	Lãi cho vay	169.402.739	-
	Lãi vay	23.364.383	29.917.808
Meta Blossom	Lãi vay	52.068.493	51.493.151
	Cung cấp dịch vụ	-	3.311.728.704
	Vay	-	1.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>VND</i>
			<i>Kỳ trước</i>
Mango+	Góp vốn	26.267.000.000	500.000.000
	Cung cấp dịch vụ	21.255.323.802	-
	Mua dịch vụ	1.237.320.000	-
	Lãi cho vay	100.000.000	23.252.467
	Cho vay	-	1.180.000.000
VMA	Vay	960.000.000	-
	Lãi vay	77.927.671	76.301.917
1Talents	Mua dịch vụ	94.500.000	-
TingTing	Lãi vay	27.516.437	15.620.550
1Game	Góp vốn	37.800.000.000	-
	Mua dịch vụ	2.742.000.000	-
	Cho vay	815.000.000	23.000.000
	Lãi cho vay	8.162.192	-
	Cung cấp dịch vụ	-	163.800.000
1Creators	Cho vay	4.670.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	781.915.763	-
	Lãi cho vay	724.224.652	-
King Production	Mua bản quyền	10.635.331.519	-
	Cung cấp dịch vụ	201.600.000	-
Bà Lê Phương Thảo	Tạm ứng	301.658.581	401.404.994
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	279.739.053	246.946.536
Ông Chế Đoàn Viên	Tạm ứng	-	793.392.064
Y1P	Cung cấp dịch vụ	-	100.800.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Lãi cho vay	-	35.967.123
Giga1	Lãi cho vay	-	12.474.863

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>			
Y1N	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	13.832.015.271	11.498.120.271
1Production	Cung cấp dịch vụ	10.341.180.000	5.363.782.139
1Brandlink	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	7.992.585.000	8.930.560.000
Y1U	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	4.493.096.449	6.197.214.449
BigCat	Cung cấp dịch vụ	2.091.071.944	2.717.031.352
Mango+	Cung cấp bản quyền nội dung số	2.058.685.000	4.479.800.000
Y1D	Cung cấp dịch vụ và bản quyền	1.532.640.000	2.396.989.213
1Creators	Cung cấp bản quyền nội dung số	1.462.751.000	602.910.000
Y1P	Cung cấp dịch vụ	356.180.000	356.180.000
SYE	Cung cấp dịch vụ	315.366.989	1.188.401.730
1Talents	Cung cấp dịch vụ	277.200.000	173.250.000
King Production	Cung cấp dịch vụ	221.760.000	-
1Game	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	180.180.000	180.180.000
VMA	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	670.000.000
		45.154.711.653	44.754.419.154
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>			
King Production	Mua dịch vụ	33.757.865.264	-
BigCat	Mua dịch vụ	2.487.851.606	7.217.059.707
1Game	Mua dịch vụ	-	3.230.000.000
		36.245.716.870	10.447.059.707
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn</i>			
1Production	Cho vay	13.796.000.000	-
	Lãi cho vay	12.134.930.793	6.767.859.670
1Creators	Cho vay	18.065.000.000	14.865.000.000
	Lãi cho vay	1.028.611.499	304.386.847
Y1U	Cho vay	17.318.600.000	10.318.600.000
	Lãi cho vay	1.974.753.988	1.314.137.580
Netlink	Cho vay	8.090.000.000	2.021.000.000
	Lãi cho vay	1.306.404.867	878.163.907
1Game	Cho vay	815.000.000	-
	Lãi cho vay	8.162.192	-
Y1D	Cho vay	-	27.616.000.000
	Lãi cho vay	-	1.355.385.336
DCC	Cho vay	-	1.370.000.000
	Lãi cho vay	-	179.121.366
		74.537.463.339	66.989.654.706

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

		VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn</i>			
Netlink	Cho vay	600.000.000	6.069.000.000
1Creators	Cho vay	-	530.000.000
1Production	Cho vay	-	185.516.000.000
		600.000.000	192.115.000.000
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>			
1Production	Nhờ thu hộ	6.460.035.754	14.046.145.790
Y1N	Nhờ thu hộ	1.345.362.028	1.055.345.308
Ông Huỳnh Quân Minh	Tạm ứng	483.266.532	-
Mango+	Khác	172.501.781	64.501.781
Y1D	Khác	153.681.097	-
Y1U	Nhờ thu hộ	86.190.000	86.190.000
Finbase	Khác	53.378.600	53.378.600
DCC	Khác	11.156.849	-
1Brandlink	Nhờ thu hộ	-	7.058.275.973
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	-	77.254.677
Bà Lê Phương Thảo	Tạm ứng	-	29.392.550
		8.765.572.641	22.470.484.679
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>			
1Production	Sản xuất chương trình	78.765.988.516	285.133.845.953
1Game	Mua dịch vụ	3.727.800.000	-
Y1N	Mua bản quyền	2.237.626.800	2.237.626.800
SYE Holdings	Mua dịch vụ	902.880.000	-
Y1D	Mua dịch vụ	671.405.279	671.405.279
DNSE	Mua dịch vụ	165.000.000	-
1Talents	Mua dịch vụ	108.000.000	108.000.000
Netlink	Mua dịch vụ	86.400.000	86.400.000
Y1U	Sản xuất chương trình	-	1.882.699.020
		86.665.100.595	290.119.977.052
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>			
1Brandlink	Cung cấp bản quyền nội dung số	2.034.000.000	-
1Production	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	16.250.000.000
		2.034.000.000	16.250.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

		VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Chi phí phải trả ngắn hạn			
Meta Blossom	Lãi vay	131.178.081	79.109.588
VMA	Lãi vay	-	9.274.520
		131.178.081	88.384.108
Phải trả ngắn hạn khác			
1Production	Chi hộ	26.816.466.480	28.831.226.497
	Lãi vay	2.163.288	2.163.288
Y1N	Chi hộ	4.851.910.800	3.439.638.000
	Lãi vay	-	4.964.383
1Game	Chi hộ	1.800.000.000	-
SYE Holdings	Ký quỹ	300.000.000	300.000.000
	Lãi vay	140.705.477	117.219.176
Y1D	Lãi vay	518.560.837	27.766.317
VMA	Lãi vay	174.654.245	87.452.054
BigCat	Lãi vay	123.353.425	123.353.425
TingTing	Lãi vay	119.737.339	92.220.902
1Brandlink	Lãi vay	94.750.683	71.386.300
	Chi hộ	-	378.000.000
King Production	Lãi vay	68.120.548	-
Meta Blossom	Lãi vay	26.868.494	26.868.494
DCC	Lãi vay	12.888.652	8.702.351
Netlink	Lãi vay	7.899.792	7.899.792
		35.058.080.060	33.518.860.979
Vay ngắn hạn			
Y1N	Vay	41.967.722.963	22.650.000.000
DCC	Vay	2.500.000.000	-
VMA	Vay	2.000.000.000	1.040.000.000
Meta Blossom	Vay	1.000.000.000	1.000.000.000
Y1D	Vay	800.000.000	-
TingTing	Vay	600.000.000	800.000.000
SYE Holdings	Vay	-	2.000.000.000
1Brandlink	Vay	-	300.000.000
		48.867.722.963	27.790.000.000
Vay dài hạn			
SYE Holdings	Vay	-	1.500.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập và thù lao của các thành viên của Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác kỳ này và kỳ trước như sau:

Họ và tên	Chức danh	Kỳ này	VND Kỳ trước
Ban Kiểm soát			
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng Ban	18.000.000	6.000.000
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên	18.000.000	6.000.000
Bà Lê Thị Hoa	Thành viên	18.000.000	6.000.000
TỔNG CỘNG		54.000.000	18.000.000
Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác			
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc	1.722.000.000	1.722.000.000
Bà Nguyễn Thị Khánh Trang	Giám đốc Tài chính (miễn nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2026)	787.680.000	552.966.000
Ông Huỳnh Quân Minh	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 4 tháng 3 năm 2026)	608.000.000	-
Bà Đặng Phương Dung	Kế toán trưởng	361.680.000	47.280.000
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 4 tháng 3 năm 2026)	164.000.000	-
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2025)	-	471.131.000
TỔNG CỘNG		3.643.360.000	2.793.377.000

Ngoại trừ danh sách được liệt kê ở trên, các thành viên trong HĐQT không phát sinh thu nhập và thù lao.

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Đến 1 năm	18.569.916.000	18.569.916.000
Trên 1 năm đến 5 năm	85.567.965.000	86.229.930.000
Trên 5 năm	25.471.800.000	33.962.400.000
TỔNG CỘNG	129.609.681.000	138.762.246.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nợ khó đòi đã xử lý

			VND
	Năm xóa sổ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tân An Đông	2025	19.600.000.000	19.600.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Up	2025	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Win	2025	353.983.561	353.983.561
Công ty TNHH Yeah1 Vision	2025	209.824.729	209.824.729
TỔNG CỘNG		21.163.808.290	21.163.808.290

31. PHÂN LOẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG THEO HƯỚNG DẪN CỦA THÔNG TƯ 99

Một số dữ liệu tương ứng của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99 do lần đầu áp dụng (TM số 3.1) trong kỳ hiện tại. Chi tiết như sau:

			VND
	Số đầu kỳ (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Số đầu kỳ (được trình bày lại)
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	164.600.000.000	68.311.382.377	232.911.382.377
Phải thu ngắn hạn khác	134.661.547.969	(11.090.782.377)	123.570.765.592
Cho vay dài hạn	193.715.000.000	(193.715.000.000)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	-	193.715.000.000	193.715.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Vào ngày 31 tháng 7 năm 2026, SSC thông báo đã nhận được tài liệu của Công ty về việc đăng ký chào bán 25.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Việc phát hành này của Công ty đã được phê duyệt bởi các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 số 104/2026/YEG/NQ/ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026, Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 số 103/2025/YEG/BBH/ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026, và phê duyệt của Hội đồng quản trị theo các Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 233/2026/NQ/HĐQT/YEG ngày 2 tháng 7 năm 2026 và số 273/2026/NQ/HĐQT/YEG ngày 22 tháng 7 năm 2026.

Ngoài sự kiện trên và sự kiện được trình bày ở các TM số 15.1, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



Nguyễn Thị Thúy Diễm

Đặng Phương Dung

Lưu Anh Khoa

